

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Đặng Trình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Lầy
2. Ông Nguyễn Công Biên

- Thư ký phiên toà: Ông Phùng Thế Thành-Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị N; ĐKKH: Số 79 C, phường La, Quận L, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Số C200/13 đường X, p 15, Q 4, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1964; ĐKKH: Số 18 E/278 đường Đ, phường C, Quận N, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Tổ T 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn xin ly hôn, Bản tự khai ngày 02/3/2022, nguyên đơn là chị Cao Thị N (chị N) trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Đỗ Văn H kết hôn năm 1991 trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, Quận N, thành phố Hải Phòng ngày 17/10/1991. Quá trình vợ chồng tôi chung sống hoà thuận hạnh phúc thời gian đầu, sau thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, căng thẳng nhất từ năm 2014 đến nay, hai bên luôn căng thẳng nặng nề. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nguyên nhân là do chúng tôi không còn với nhau về tính cách lẫn quan điểm sống dẫn đến cuộc sống của chúng tôi luôn căng thẳng, mệt mỏi. Mặc dù chúng tôi cũng đã được gia

đình đôi bên khuyên bảo nhiều lần, nhưng không có kết quả. Từ năm 2015 đến nay chúng tôi đã sống ly thân mỗi người một nơi, tôi chuyển vào sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, anh H thì vẫn sinh sống tại Hải Phòng kể từ đó chúng tôi đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn liên quan về tình cảm cũng như kinh tế. Năm 2018 tôi đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng, tuy nhiên sau đó do vì nghĩ đến con cái nên tôi đã rút đơn. Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ vụ việc nêu trên của chúng tôi. Đến nay tôi nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, mâu thuẫn quá căng thẳng, trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ được nữa nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Đỗ Văn H. Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Đỗ Việt T, sinh ngày 12/12/1992 và Đỗ Cao T, sinh ngày 27/6/2005. Ly hôn tôi đề nghị Tòa án giao con Đỗ Cao T cho tôi nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với con Đỗ Việt T hiện đã trưởng thành nên tôi không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 09/3/2022 anh Đỗ Văn H (anh H) trình bày: Tôi và chị Cao Thị N là vợ chồng, cưới nhau năm 1991, chúng tôi kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, Quận N, thành phố Hải Phòng ngày 17/10/1991. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống đến năm 2014 thì chị N bỏ nhà đi vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, kể từ đó đến nay chúng tôi sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị N có đơn xin ly hôn đối với tôi xét thấy chúng tôi không thể tiếp tục chung sống nên tôi đồng ý ly hôn. Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Đỗ Việt T, sinh ngày 12/12/1992 và Đỗ Cao T, sinh ngày 27/6/2005. Ly hôn tôi đồng ý giao con chung là Đỗ Cao T cho chị N nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Đỗ Việt T hiện đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị N và anh H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như yêu cầu khởi kiện cũng như bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị N có đơn khởi kiện (Về việc xin ly hôn) với anh H. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H là bị đơn trong vụ án có Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1964; ĐKKH: Số 18 E/278 đường Đ, phường C, Quận N, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Tổ T 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng, nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị N và anh H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh H.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, Quận N, thành phố Hải Phòng ngày 17/10/1991. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị N và anh H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Lời trình bày của chị N và anh H đều thể hiện mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã diễn ra từ lâu, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, từ năm 2014 chị N vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, kể từ đó đến nay anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị N được ly hôn anh H.

[4] Về con chung: Chị Cao Thị N và anh Đỗ Văn H có 02 con chung là Đỗ Việt T, sinh ngày 12/12/1992 và Đỗ Cao T, sinh ngày 27/6/2005. Lời khai của chị N và anh H đều thống nhất đề nghị giao con chung cho chị N nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, đây cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị N và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đối với con chung là Đỗ Việt T hiện nay đã trưởng thành nên chị N và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Cao Thị N và anh Đỗ Văn H trình bày anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Cao Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Cao Thị N được ly hôn anh Đỗ Văn H.
2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Cao T, sinh ngày 27/6/2005 cho chị Cao Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay

đôi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do Chị N và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Cao Thị N và anh Đỗ Văn H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cao Thị N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3608 ngày 04/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng. Chị Cao Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Cao Thị N và anh Đỗ Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường L, Quận N, HP (ngày ĐKKH 17/10/1991);
- đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đăng Trình